

**ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG VÀ TÝP HUMAN PAPILLOMAVIRUS
Ở BỆNH NHÂN SỤI MÀO GÀ TẠI BỆNH VIỆN DA LIỄU THÀNH PHỐ
CẦN THƠ NĂM 2020**

Lạc Thị Kim Ngân^{1}, Đào Hoàng Thiên Kim², Nguyễn Thị Thuỳ Trang¹,
Huỳnh Văn Bá¹, Nguyễn Văn Lâm¹*

1. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

2. Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

**Email: ltkngan@ctump.edu.vn*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Sùi mào gà sinh dục là một bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất trong những bệnh lây truyền qua đường tình dục, do tác nhân Human papillomavirus. Có hơn 100 týp Human papillomavirus được biết đến, trong đó týp 6 và 11 chiếm tới 90%. Các týp 16, 18, 31, 33, 34 và 35

có thể gây loạn sản thượng bì và dẫn đến ung thư về sau. **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả đặc điểm lâm sàng bệnh sùi mào gà và định typ Human papillomavirus ở bệnh nhân sùi mào gà tại Bệnh viện Da liễu Cần Thơ năm 2020. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang trên 85 bệnh nhân sùi mào gà; thực hiện khám lâm sàng và phỏng vấn bằng bảng câu hỏi, thu thập mẫu mô, định typ HPV bằng kỹ thuật lai phân tử Reverse Dot Blot (RDB). **Kết quả:** Nghiên cứu 85 bệnh nhân sùi mào gà có dạng thương tổn nhọn 89,4%, sùi mào gà sần 22,4%, sần sừng hóa 5,9% và sần dẹt 3,5%. HPV typ 6 và 11 chiếm tỷ lệ cao nhất, lần lượt là 45,9% và 54,1%. Typ HPV nguy cơ thấp chiếm 18,8%, nguy cơ cao chiếm 10,6% và nhiễm cả 2 nhóm typ chiếm 70,6%. **Kết luận:** Sùi mào gà dạng nhọn là dạng thường gặp nhất chiếm 89,4%. HPV typ 11 là typ thường gặp nhất chiếm tỷ lệ 54,1%.

Từ khóa: Sùi mào gà sinh dục, Human papillomavirus.

ABSTRACT

CLINICAL FEATURES AND HUMAN PAPILLOMAVIRUS TYPING ON GENITAL WARTS PATIENTS AT CAN THO HOSPITAL OF DERMATO-VENEREOLOGY IN 2020

Lac Thi Kim Ngan^{1*}, Dao Hoang Thien Kim², Nguyen Thi Thuy Trang¹,
Huynh Van Ba¹, Nguyen Van Lam¹

1. Can Tho University of Medicine and Pharmacy
2. Pham Ngoc Thach University of Medicine

Background: Genital warts caused by Human papillomavirus, are the most common sexually transmitted disease. There are over 100 different known types of Human papilloma viruses. About 90% of genital warts are caused by HPV types 6 and 11. HPV types 16, 18, 31, 33, 34 and 35 well established as the causative agents responsible for cervical dysplasia and cervical cancer. **Objectives:** To describe features on genital warts patients who are treated and to identify of Human papilloma virus typing on genital warts in 2020 at Can Tho Hospital of Dermato-Venereology. **Materials and methods:** A Cross-sectional descriptive study on 85 genital warts patients; clinical examination and interview by questionnaires, specimen collection, HPV typing was performed by using Reverse Dot Blot (RDB). **Results:** Among 85 genital warts patients were divided into four groups including acuminated condyloma (89.4%), papular condyloma (22.4%), keratotic condyloma (5.9%) and flat-topped papules (3.5%). HPV 6 and 11 were the most common strains associated with genital warts and were approximately 45.9% and 54.1%. Low risk strains of HPV accounts for 18.8%, High risk strains of HPV accounts for 10.6% and both types were approximately 70.6%. **Conclusion:** Acuminated condyloma was the most common clinical form which was approximately 89.4%. HPV type 11 is the most common type, accounting for 54.1%.

Keywords: Genital warts, Human papillomavirus.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sùi mào gà sinh dục là bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất trong những bệnh lây truyền qua đường tình dục, do tác nhân *Human papillomavirus*. Những nghiên cứu gần đây cho thấy việc nhiễm *Human papilloma virus* là rất phổ biến ở người trẻ trong độ tuổi hoạt động tình dục, nhưng thường không có triệu chứng và thoáng qua. Người ta ước tính rằng 30% đến 50% người lớn hoạt động tình dục bị nhiễm *Human papillomavirus*, nhưng chỉ có khoảng 1% đến 2% số bệnh nhân nhiễm *Human papillomavirus* có triệu chứng lâm sàng.

Đến nay người ta đã xác nhận có hơn 130 typ *Human papillomavirus* và hầu hết các typ này đều không gây ra các triệu chứng đáng chú ý và sẽ tự thoái nhiễm. Có hơn 100 typ

Human papillomavirus được biết đến, trong đó týp 6 và 11 chiếm tới 90%. Các týp 16, 18, 31, 33, 34 và 35 có thể gây loạn sản thượng bì và dẫn đến ung thư về sau. Bệnh sùi mào gà ảnh hưởng nhiều đến chất lượng cuộc sống, gây tâm lý lo lắng và sự gánh nặng về chi phí điều trị, ước tính khoảng 6 tỷ đô la mỗi năm tại Hoa Kỳ. Vì thế cần có sự quan tâm, theo dõi đúng mức từ việc phòng chống lây nhiễm đến việc tầm soát phát hiện bệnh và những điều trị thích hợp, để tránh những hậu quả nặng nề về sau [1]. Xuất phát từ thực tế đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với hai mục tiêu như sau: Mô tả đặc điểm lâm sàng bệnh sùi mào gà và định týp *Human papillomavirus* ở bệnh nhân sùi mào gà tại Bệnh viện Da liễu Cần Thơ năm 2020.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả bệnh nhân được chẩn đoán sùi mào gà tại Bệnh viện Da liễu Thành phố Cần Thơ từ tháng 5/2020 đến tháng 11/2020.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Bệnh nhân ≥ 18 tuổi được chẩn đoán bệnh sùi mào gà dựa vào lâm sàng: các nhú, sần sùi màu hồng, nâu nhạt giống mào gà hoặc như bông cải, bệnh nhân được định týp HPV tại phòng xét nghiệm của Bệnh viện Da liễu Cần Thơ, bệnh nhân đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Bệnh nhân có triệu chứng hoặc xét nghiệm chỉ điểm đang mắc STDs khác: giang mai, lậu, *Chlamydia trachomatis*, *Herpes simplex*, bệnh nhân nữ có thai, bệnh nhân có dấu hiệu bị bệnh tim, gan, phổi nặng hoặc rối loạn tâm thần.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang.

- **Cỡ mẫu và chọn mẫu:** Áp dụng công thức ước lượng một tỷ lệ với mức tin cậy 95%, sai số cho phép 10% và tỷ lệ p là 70,05% [4], cỡ mẫu ước tính được là 81 bệnh nhân. Chọn mẫu thuận tiện. Thực tế, nghiên cứu của chúng tôi nghiên cứu trên 85 bệnh nhân.

- **Nội dung nghiên cứu:**

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: Tuổi, giới tính, nghề nghiệp.

Đặc điểm lâm sàng của đối tượng nghiên cứu: Thời gian mắc bệnh, lý do khám bệnh, màu sắc thương tổn, dạng thương tổn, vị trí của thương tổn.

Đặc điểm týp HPV của đối tượng nghiên cứu: Các týp HPV, nhóm týp HPV, sự phối hợp nhiễm HPV trên 1 bệnh nhân. Trong nghiên cứu của chúng tôi có thể phát hiện được 24 týp HPV.

- Nhóm týp HPV nguy cơ thấp: 6, 11, 42, 43, 61, 70, 71, 81.

- Nhóm týp HPV nguy cơ cao: 16, 18, 31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 53, 56, 58, 59, 66, 68, 82.

- **Phương pháp thu thập số liệu:**

Hỏi tiền sử, bệnh sử chi tiết, khám lâm sàng.

Bệnh nhân được định týp HPV tại phòng xét nghiệm của Bệnh viện Da liễu Cần Thơ. Quy trình:

1. Dùng chổi chuyên dụng lấy 1 lớp tế bào cho vào tube dung dịch TX 1X, vortex mạnh 1 phút. Bảo quản mẫu ở -20°C nếu chưa tách chiết ngay.

2. Tách chiết DNA sử dụng bộ kit tách chiết DNA bằng phương pháp tủa VA.A92-002A.

3. Phản ứng real – time PCR để phân tích chứng dương và âm.

4. Kỹ thuật lai phân tử Reverse Dot Blot (RDB) sử dụng bộ hóa chất HPV RDP Membrance VA.A02-003J_ màng lai + RDB solution kit VA.A92-006A_ hóa chất dùng cho RDB.

- **Phương pháp phân tích và xử lý số liệu:** Số liệu được nhập, phân tích và xử lý bằng phần mềm SPSS 18.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tuổi khởi phát bệnh nhỏ nhất trong nhóm đối tượng tham gia nghiên cứu là 18 tuổi, lớn nhất là 65 tuổi.

Giới nam chiếm 35,8%, nữ chiếm 64,2%.

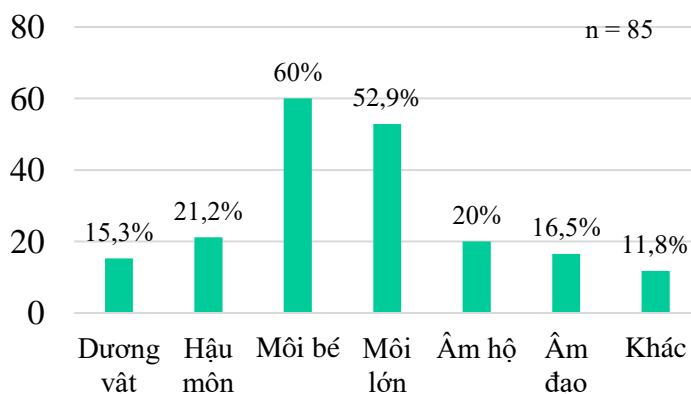
Nghề nghiệp của bệnh nhân là nông dân chiếm tỷ lệ 23,5%, công nhân là 28,2%, học sinh-sinh viên là 21,2%, công chức, viên chức là 14,1%, hành nghề mại dâm là 1,2% và các ngành nghề khác là 11,8%.

Thời gian mắc bệnh nhỏ hơn 2 tháng chiếm 68,2% và lớn hơn 8 tháng chiếm 1,2%.

Đa số bệnh nhân khám bệnh vì nổi sùi ở bộ phận sinh dục (91,8%), phần còn lại do ngứa và tình cờ phát hiện qua khám sức khỏe.

Dạng thương tổn: Sùi mào gà nhọn 89,4%, sùi mào gà sần 22,4%, sần sừng hóa 5,9%, sần dẹt 3,5%.

Màu sắc sùi mào gà: Màu hồng (94,1%), màu đỏ (1,2%), xám trắng (12,9%), nâu đen (2,4%).



Biểu đồ 1: Vị trí thương tổn của đối tượng nghiên cứu

Vị trí thương tổn phân bố ở môi bé, môi lớn chiếm tỷ lệ cao nhất lần lượt là 60% và 52,9%.

Bảng 1. Các týp HPV trong nghiên cứu

Nguy cơ	Týp HPV	Số lượt nhiễm	% trên số lượt nhiễm	% trên số HPV (+)
Thấp	6	39	19,7	45,9
	11	47	23,7	54,1
	42	1	0,5	1,2
	43	0	0	0
	61	1	0,5	1,2
	70	3	1,5	3,5
	71	0	0	0

Nguy cơ	Týp HPV	Số lượt nhiễm	% trên số lượt nhiễm	% trên số HPV (+)
Cao	81	3	1,5	3,5
	16	12	6,1	14,1
	18	6	3,0	7,1
	31	1	0,5	1,2
	33	0	1,0	0
	35	1	1,5	1,2
	39	2	1,0	2,4
	45	3	1,5	3,5
	51	31	15,7	36,5
	52	11	5,6	12,9
	53	7	3,5	8,2
	56	6	3,0	7,1
	58	4	2,0	4,7
	59	7	3,5	8,2
	66	4	2,0	4,7
	68	8	4,0	9,4
	82	1	0,5	1,2
	Tổng	198	100	

HPV týp 6 và 11 chiếm tỷ lệ cao nhất, lần lượt là 45,9% và 54,1%.

Bảng 2. Tỷ lệ phân bố nhóm týp HPV của đối tượng nghiên cứu

Nhóm týp	n	%
Nguy cơ thấp	16	18,8
Nguy cơ cao	9	10,6
Cả 2 nhóm	60	70,6
Tổng cộng	85	100

Số người nhiễm cả 2 týp HPV chiếm tỷ lệ cao nhất là 70,6%, nguy cơ thấp chiếm 18,8%, nguy cơ cao chiếm 10,6%.

Sự phối hợp nhiễm các týp HPV: 15,3% bệnh nhân chỉ nhiễm 1 týp HPV, 48,2% nhiễm 2 týp HPV và 36,5% nhiễm từ 3 týp HPV trở lên.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi nhóm tuổi bệnh nhân thường gặp từ 18-35 chiếm tỷ lệ cao nhất 71,8%. Theo nghiên cứu của Hà Nguyễn Phương Anh (2015) [1], bệnh nhân sùi mào gà từ 20-29 tuổi chiếm 84,54%, nhóm tuổi ít nhất là 15-19 (1,7%).

Nghiên cứu của chúng tôi, giới nam chiếm 32,9%, nữ chiếm 67,1%. Theo nghiên cứu của Hà Nguyễn Phương Anh (2015) [1], giới nữ chiếm 52,5% không nhiều hơn so với nam giới 47,5%. Theo nghiên cứu của Nguyễn Văn Thường (2017) [5], tỷ lệ sùi mào gà ở cả nam và nữ đều cao. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi khác với kết quả của các nghiên cứu trước, điều này có thể lý giải do sự khác nhau về địa lý, vùng miền và có thể do nữ giới thường xuyên đi khám phụ khoa nên dễ phát hiện sùi mào gà hơn. Một lý do khác, có thể ở nữ giới, đa phần quan tâm đến sức khỏe của mình nên khi bị bệnh thì đến bệnh viện-cơ sở uy tín để điều trị, còn ở nam giới, thường giấu diếm hoặc tự đi điều trị ở các phòng khám tư.

Trong nghiên cứu của chúng tôi đa số bệnh nhân có nghề nghiệp thuộc nhóm công nhân với tỷ lệ 28,2%, tỷ lệ mắc bệnh cao thứ hai thuộc nhóm nông dân với 23,5%. Tỷ lệ này giống với nghiên cứu của Hà Nguyễn Phương Anh (2015) thì nhóm công chức chiếm

cao nhất 38,9%. Như vậy, đây là một vấn đề cần lưu tâm vì những nhóm đối tượng này thường được trang bị kiến thức về sức khỏe tình dục tốt. Tuy nhiên, sự phát triển quá mức về công nghệ thông tin, các dịch vụ nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí... phong phú đã khiến họ dễ sa ngã vào các quan hệ không lành mạnh và có nhiều bạn tình. Do vậy, tỷ lệ phát hiện bệnh cao hơn các nhóm nghề nghiệp khác.

Theo Bùi Thị Thùy Dung (2018) [2], trong 46 bệnh nhân tham gia nghiên cứu có 40 bệnh nhân có thương tổn là sùi chiếm 87%, còn lại 6 bệnh nhân có thương tổn là những sần chiếm 13%, không có thương tổn dát. Nghiên cứu của Nguyễn Quang Minh (2010) [3] là 80,9% và nghiên cứu của F. Akpadjan, H. Adegbiđi và cộng sự (2017) [6], tỷ lệ sùi là 82,4%. Như vậy kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng gần tương tự với các tác giả trên, dạng sùi là chiếm ưu thế.

Khác với nghiên cứu của chúng tôi thì nghiên cứu của F. Akpadjan, H. Adegbiđi và Cộng sự (2017) [6], có 6,8% thương tổn là sùi mào gà khổng lồ là một thể rất hiếm gặp do HPV 6 và 11 gây nên. Bệnh có đặc điểm là xâm lấn xuống dưới trung bì. Tổ chức bệnh học có những vùng lành tính xen kẽ với các ổ tế bào thượng bì bất thường hoặc các tế bào biệt hóa ung thư tế bào gai. Các vị trí và hình thái lâm sàng của các thương tổn được quan sát thấy ở bệnh nhân của chúng tôi là phù hợp với các tài liệu chứng minh rằng sùi mào gà có thể là sùi, sần, thậm chí khổng lồ đặc biệt ở người suy giảm miễn dịch.

Nghiên cứu của chúng tôi, thương tổn sùi mào gà ở những bệnh nhân nghiên cứu phân bố ở nhiều vị trí giải phẫu khác nhau, trong đó thương tổn ở môi bé chiếm tỷ lệ cao nhất là 60%, tiếp theo là môi lớn 52,9%, hậu môn 21,2%, âm hộ 20%, thành âm đạo là 16,5%, dương vật là 15,3%, và vị trí thương tổn khác ở cả cổ tử cung và bìu 11,8%. Nghiên cứu của Chanal J. (2016) [8] ghi nhận có 47,6% sùi mào gà ở dương vật, 15,7% ở hậu môn của nam và 6% ở hậu môn của nữ, 20,2% sùi mào gà ở âm hộ, 7% sùi mào gà ở các vị trí khác như mông, nếp gấp vùng bẹn, đáy chậu, khoang miệng. Như vậy, kết quả nghiên cứu của chúng tôi khác với các nghiên cứu trước do đối tượng nghiên cứu trong nghiên cứu của chúng tôi là gần 70% là nữ nên vị trí xuất hiện sùi mào gà ở bộ phận sinh dục nữ chiếm tỷ lệ cao.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, số bệnh nhân nhiễm HPV thì týp 6 và týp 11 chiếm tỷ lệ cao nhất lần lượt là 45,9% và 51,1%. Theo nghiên cứu của Ingles (2015) [9], trong các loại HPV nguy cơ thấp thì týp 6 và týp 11 chiếm tỷ lệ cao nhất lần lượt là 49,4% và 31,0%. Theo nghiên cứu của Nowak R. G. (2020) [10] thì tỷ lệ nhiễm các týp HPV là HPV6 (31%), HPV16 (23%), HPV42 (20%), HPV11 (18%). Như vậy, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương đồng với các nghiên cứu khác, cho thấy vai trò của HPV6 và HPV11 trong vai trò phát triển của sùi mào gà.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, số bệnh nhân nhiễm HPV nguy cơ thấp chiếm 18,8%, tỷ lệ nhiễm nhóm týp HPV nguy cơ cao là 10,6% và nhiễm cả 2 nhóm là 70,6%. Theo nghiên cứu của Nowak, R. G. (2020) [10] thì tỷ lệ nhiễm HPV nguy cơ cao chiếm tỷ lệ 74%. Nghiên cứu của chúng tôi có 15,3% bệnh nhân chỉ nhiễm 1 týp HPV, có 48,2% bệnh nhân nhiễm 2 týp HPV và 36,5% bệnh nhân nhiễm từ 3 týp HPV trở lên. Theo nghiên cứu của Al-Awadhi R. (2019) [7], 88,4% nhiễm 1 týp HPV, 9% nhiễm 2 týp HPV và 2,6% nhiễm cả 3 týp HPV. Theo nghiên cứu của Nowak, R. G. (2020) [10], trong nhóm HPV nguy cơ cao, 31% có một týp HPV duy nhất, 32% có 2-3 týp và 10% có 4 týp hoặc nhiều hơn. Như vậy, kết quả nghiên cứu của chúng tôi khác với các nghiên cứu trước về sự nhiễm nhóm týp HPV và sự phối hợp nhiễm các týp HPV trên một bệnh nhân. Điều này có thể giải thích do vùng địa lý khác nhau, cỡ mẫu nghiên cứu khác nhau và có thể do lối sống tình

dục, đường quan hệ tình dục và số lượng bạn tình của các đối tượng khác nhau.

V. KẾT LUẬN

Qua kết quả nghiên cứu 85 bệnh nhân sùi mào gà trong thời gian từ tháng 5/2020 đến tháng 11/2020 tại Bệnh viện Da liễu Thành phố Cần Thơ. Một số kết luận được chúng tôi rút ra như sau: Dạng thương tổn: sùi mào gà nhọn 89,4%, sùi mào gà sần 22,4%, sần sừng hóa 5,9%, sần dẹt 3,5%. Màu sắc sùi mào gà: màu hồng (94,1%), màu đỏ (1,2%), xám trắng (12,9%), nâu đen (2,4%). Vị trí thương tổn phân bố ở môi bé, môi lớn chiếm tỷ lệ cao nhất lần lượt là 60% và 52,9%. HPV týp 6 và 11 chiếm tỷ lệ cao nhất, lần lượt là 45,9% và 54,1%. Số người nhiễm cả 2 týp HPV chiếm tỷ lệ cao nhất là 70,6%, nguy cơ thấp chiếm 18,8%, nguy cơ cao chiếm 10,6%. Sự phối hợp nhiễm các týp HPV: 15,3% bệnh nhân chỉ nhiễm 1 týp HPV, 48,2% nhiễm 2 týp HPV và 36,5% nhiễm từ 3 týp HPV trở lên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Nguyên Phương Anh (2015), Nhiễm Human Papillomavirus trên bệnh nhân bị nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục và tác dụng của cimetidin trong phòng tái phát bệnh sùi mào gà, Luận án Tiến sĩ y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
 2. Bùi Thị Thùy Dung (2018), Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, tìm hiểu một số yếu tố liên quan và đánh giá kết quả điều trị bệnh sùi mào gà bằng phương pháp đốt điện tại Bệnh viện Da liễu Cần Thơ năm 2017-2018, Luận văn tốt nghiệp Đại học, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
 3. Nguyễn Quang Minh (2010), "Đặc điểm lâm sàng và các yếu tố liên quan đến bệnh sùi mào gà", *Tạp chí Da liễu học Việt Nam*. 10, tr.31-35.
 4. Nguyễn Quý Thái (2011), "Đánh giá hiệu quả điều trị sùi mào gà sinh dục bằng phẫu thuật Laser CO2 tại Thành phố Thái Nguyên", *Tạp chí Y học thực hành*. 6, tr.111-114.
 5. Nguyễn Văn Thường (2017), "Sùi mào gà sinh dục - hậu môn", *Bệnh học da liễu tập 2*, Nhà xuất bản y học, tr.183-190.
 6. Akpadjan, F, *et al.* (2017), "Anogenital Condyloma: Epidemiological, Clinical, Therapeutic and Evolutionary Aspects of 74 Cases in Benin", *Journal of Cosmetics, Dermatological Sciences and Applications*. 7(3), pp.221-228.
 7. Al-Awadhi, R., *et al.* (2019), "Association of HPV genotypes with external anogenital warts: a cross sectional study", *BMC Infect Dis*. 19(1), pp.375.
 8. Chanal, J., *et al.* (2016), "[CONDYDAV: A multicentre observational study of patients presenting external genital warts in France]", *Ann Dermatol Venereol*. 143(11), pp.675-681.
 9. Ingles, Donna J., *et al.* (2015), "Human papillomavirus virus (HPV) genotype- and age-specific analyses of external genital lesions among men in the HPV Infection in Men (HIM) Study", *The Journal of infectious diseases*. 211(7), pp.1060-1067.
 10. Nowak, R. G., *et al.* (2020), "Multiple HPV infections among men who have sex with men engaged in anal cancer screening in Abuja, Nigeria", *Papillomavirus Res*. 10, pp.100-200.
- (Ngày nhận bài: 8/5/2021 - Ngày duyệt đăng: 26/6/2021)
-